TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/ HNGĐ- ST
Ngày 12/4/2019
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Vân.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**
2- Bà **Nguyễn Thị Hoa**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Đào Thị Anh Nhinh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Đàm Chuyên** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12/4/2019 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 1, xã P, huyện P1, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M - sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu 1, xã P, huyện P1, tỉnh Phú Thọ.

(Hôm nay vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo chị Lê Thị T trình bày: chị và anh M được tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2013. Sau kết hôn vợ chồng về ở chung với gia đình anh M. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên va chạm, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài vì vậy chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T1 – sinh ngày 24/10/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức: không có.

***** Đối với anh Nguyễn Văn M: Đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Chị Lê Thị T làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M và đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung khi ly hôn. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

{2}Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P1, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị T trình bày vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên va chạm, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả.Về phía anh M mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng cho anh M để anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng anh M không có mặt.

Theo biên bản làm việc ngày 28/01/2019 tại UBND xã P đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2013, sau kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh M tại khu 1 xã P, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T có làm đơn xin ly hôn anh M. Thời gian gần đây UBND xã P có nhận được các văn bản tố tụng của tòa án nhân dân huyện Phù Ninh gửi cho anh M về việc triệu tập anh M đến TAND huyện Phù Ninh như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng đó, UBND xã có cử cán bộ đưa thư đến tận gia đình anh M giao cho anh M. Nhưng anh M không thường xuyên có nhà nên không giao được cán văn bản tố tụng cho anh M, gia đình anh M cũng không nhận thay cho anh M. Theo biên bản làm việc ngày 28/01/2019 tại gia đình ông Nguyễn Văn O trú tại khu 1, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (là bố đẻ anh Nguyễn Văn M) cho biết: Năm 2013 gia đình ông có tổ chức xây dựng gia đình cho anh M và chị T, sau kết hôn gia đình cho chị T và anh M ra ở riêng nhưng vẫn ăn chung

cùng với gia đình ông bà. Vợ chồng anh chị T, M chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn vợ chồng sảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm. Được biết thời gian gần đây chị T có làm đơn xin ly hôn anh M, gia đình ông có nhận được một số văn bản tố tụng của Tòa án do UBND xã chuyển đến, khi nhận được các văn bản tố tụng của xã giao gia đình ông có nhận và có thông báo cho anh M biết, anh M cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quan điểm của ông O là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh M được ly hôn vì tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị không còn. Do điều kiện công việc của anh M là hiện đang đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương để đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin được xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với anh M vì tình cảm vợ chồng không còn và xin được nuôi con chung. Như vậy có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho chị T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T1 - sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng chị T, khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật vì hiện nay anh M không có mặt tại địa phương. Vì vậy giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

{4} Về tài sản chung: Chị T xác nhận là vợ chồng không có tài sản chung. Do anh M vắng mặt nên không có lời khai, tòa án không đặt ra xem xét.

{5} Về nợ chung, công sức: Chị T xác nhận là không có nên không đặt ra xem xét.

{6} Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại điện VKS đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung: giao cho chị T chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Công T1; Về tài sản chung: không đặt ra xem xét; Về nợ chung, công sức: chị T xác nhận là không có nên không xem xét.

{7} Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Cho chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn M ly hôn.

*** Về con chung:** giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Công T1 - sinh ngày 24/10/2013 đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T.

Hai bên đều có quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung:** không xem xét giải quyết.

*** Về nợ chung, công sức:** Không xem xét.

*** Về án phí:** Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001053 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để đề nghị tòa án xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: HS- VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân